


PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Zinc Sulphate Heptahydrate		Logo của doanh nghiệp	
Số CAS: 7446-20-0 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
Tên thường gọi của chất: Kẽm sulphat heptahydrate		Mã sản phẩm (nếu có)	
Tên thương mại:			
Tên khác (không là tên khoa học): vitriol trắng, kẽm sunfat heptahydrate, Zincvitriol heptahydrate			
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Cty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn 30/17 HT31, KP01, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM Điện thoại: 028-66834499	
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
Mục đích sử dụng: dùng trong sx thức ăn gia súc, phân vi lượng,....			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Kẽm sulphat heptahydrate	7446-20-0	ZnSO ₄ .7H ₂ O	100%
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...) H302 - Có hại nếu nuốt phải H400 - Rất độc cho đời sống thủy sinh			
2. Cảnh báo nguy hiểm - Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc; - Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh; - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.			
3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Đường mắt: ăn mòn mô mắt, rối loạn thị giác, gây tổn thương mô mắt - Đường thở: gây ho - Đường da: kích ứng nhẹ - Đường tiêu hóa: nuốt số lượng lớn xuất hiện cảm giác buồn nôn, nôn, đau bụng, đi ngoài ra máu, giảm			

chức năng thận, suy giảm hệ thống miễn dịch.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

Rửa sạch ngay với nhiều nước trong 15 phút. Đưa nạn nhân đến bác sĩ nhãn khoa. Không sử dụng các chất trung hòa.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

Rửa sạch với nước. Xà phòng có thể được sử dụng. Không sử dụng các chất trung hòa (hóa học). Gặp bác sĩ nếu kích thích vẫn còn.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Đưa nạn nhân vào không khí trong lành. Bác sĩ: dùng thuốc xịt corticoid. Hô hấp vấn đề: tham khảo ý kiến bác sĩ / dịch vụ y tế.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Súc miệng bằng nước. Ngay sau khi nuốt phải, cho uống nhiều nước. Tham khảo ý kiến bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Nếu nuốt phải số lượng lớn, ngay lập tức đến bệnh viện. Bác sĩ: rửa dạ dày.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): không cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

Khí/ hơi độc, hơi ăn mòn (oxit lưu huỳnh, oxit kẽm) và hình thành hơi kim loại.

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...)

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Pha loãng khí độc bằng nước phun. Sử dụng nước vừa phải và nếu có thể thu thập hoặc chứa nó.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

Găng tay, kính bảo vệ, quần áo bảo hộ và thiết bị thở khép kín.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Đánh dấu khu vực nguy hiểm. Ngăn chặn sự hình thành bụi. Không có ngọn lửa trần. Rửa quần áo bị nhiễm bẩn. Sử dụng thông gió tốt.

Ngăn chặn rò rỉ nếu có thể. Thu gom vật liệu tràn vào thùng chứa phù hợp. Rửa khu vực bị ô nhiễm với lượng nước vừa đủ.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Sử dụng thông gió, tránh tạo bụi, tránh xa ngọn lửa trần và nguồn nhiệt. Giặt quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Giữ thùng chứa kín, để ở nơi thoáng mát, tránh xa nguồn nhiệt và tia lửa. Tránh ánh nắng trực tiếp.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong

khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...): Thông gió khu vực làm việc

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: kính bảo vệ
- Bảo vệ thân thể: mặt nạ chống bụi có bộ lọc P3, trang phục bảo hộ
- Bảo vệ tay: găng tay
- Bảo vệ chân: giày ủng

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): vòi rửa mắt và vòi sen tắm.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất rắn kết tinh, bột, hạt	Điểm sôi (°C): không áp dụng
Màu sắc: màu trắng hoặc không màu	Điểm nóng chảy (°C): 100°C
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có sẵn
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Nhiệt độ tự cháy (°C): không có sẵn
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ hòa tan trong nước: tan	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ PH: 4,5	Tỷ lệ hóa hơi: không có sẵn
Khối lượng riêng (kg/m ³)	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...)

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy;
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh);
- Điều kiện cần tránh: nhiệt độ cao, vật liệu không tương thích, độ ẩm
- Phản ứng trùng hợp.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Kẽm sulphat heptahydrate	LD50	1260mg/kg	Miệng	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...): Không có thông tin

2. Các ảnh hưởng độc khác: Phát ban đối với da, ảnh hưởng hệ tiêu hoá, gây viêm, tổn thương mô mắt.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Kẽm sulphat heptahydrate	Cá	4,6 ppm (96h)	Độc
	Động vật không xương sống	0,56 mg/l (48h)	Rất độc

	Tảo	0,05 – 36 (72h)	Rất độc
--	-----	-----------------	---------

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: không áp dụng
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải
3. Biện pháp tiêu hủy
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký
3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu:

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 25-12-2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.